

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 01/2024/HC-PT

Ngày: 27 - 02 - 2024

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Bà Phạm Phong Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân
tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
03/2023/TLPT-HC, ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc: “Khiếu kiện quyết
định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST, ngày 14 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo và bị
kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án xét xử phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày
17 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn X, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố E,
phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân phường P;

2. Chủ tịch UBND phường P;

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường và Chủ tịch UBND
phường P:* Ông Võ Ngọc L – Phó Chủ tịch UBND phường P.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn X;

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện là ông Đỗ Văn X trình bày: Năm 2004, ông X nhờ ông Đỗ Văn C, là cha ruột của ông X, nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị T, thửa đất có diện tích 50m², tọa lạc khu phố A, thị trấn L, huyện H (cũ), nay là Khu phố E, phường P, thị xã L, có tứ cận phía đông giáp đường hẻm, phía tây giáp đường hẻm, phía nam giáp đất của bà Hồ Thị T, phía bắc giáp đất của bà Hồ Thị T. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông X xây dựng nhà để làm nơi cư trú cho gia đình, khi căn nhà xuống cấp, ông X tiến hành sửa chữa lại và sử dụng ổn định cho đến nay, hàng năm vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế.

Ngày 01/3/2019, ông X nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND phường P, đến ngày 21/6/2019, UBND phường P ban hành Công văn số 197/UBND, thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận, theo đó, UBND phường P xác nhận thửa đất mà ông X đề nghị cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc là do bà Hồ Thị T lấn chiếm đất đường đi từ năm 2000 để trồng cây hàng năm, đến năm 2004 thì sang nhượng lại cho ông X sử dụng làm nhà ở ổn định cho đến nay, không phù hợp với quy hoạch. Căn cứ xác nhận này, Chi nhánh Văn phòng Đ trả lại hồ sơ của ông X vì không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận. Sau đó, ông X khiếu nại nội dung xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường P, đến ngày 30/8/2019, Chủ tịch UBND phường P ban hành Quyết định số 360/QĐ-UBND, giải quyết khiếu nại của ông X. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông Đỗ Văn X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc UBND phường P phải xác nhận lại nguồn gốc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 16, có diện tích khoảng 50m², tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện H (cũ), nay là Khu phố E, phường P, thị xã L, cho ông X và chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận cho ông X theo đúng quy định của pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND phường P thu hồi Quyết định số 360/QĐ-UBND, ngày 30/8/2019, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông X.

Người bị kiện trình bày: Việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trong đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông X nộp ngày 01/3/2019 và Quyết định giải quyết

kiếu nại số 360/QĐ-UBND, ngày 30/8/2019, của Chủ tịch UBND phường P là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ nguồn gốc thửa đất mà ông X đăng ký kê khai cấp giấy là do bà Hồ Thị T lấn chiếm đường đi từ năm 2000, sử dụng trồng cây hàng năm đến năm 2004 thì sang nhượng lại cho ông X, sử dụng để xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay, không phù hợp với quy hoạch (đất giao thông). Nội dung này thể hiện tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư, sổ mục kê, bản đồ địa chính 1998 – 2000 và biên bản xác định ranh mốc giới năm 1998. Ông X cho rằng thửa đất này do bà T khai phá trước năm 1975 là không đúng thực tế, vì bà T sinh năm 1971 đến năm 1975 thì bà T chỉ mới 04 tuổi. Việc xác nhận của UBND phường P trong đơn đăng ký xin cấp giấy của ông X không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông X. Người bị kiện không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, Điều 31, Điều 78, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn X về việc buộc Chủ tịch UBND phường P thu hồi Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022 ông Đỗ Văn X kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, với lý do việc bác yêu cầu khởi kiện là không khách quan, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông X.

Ngày 13/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do yêu cầu khởi kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, không phải là đối tượng khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận rút lại nội dung thứ hai của phần xét thấy của Quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính để xét xử theo hướng hủy bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, nên Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu: “*Buộc UBND phường P phải xác nhận lại nguồn gốc của thửa đất số 96, tờ bản đồ số 16, có diện tích khoảng 50m², tại Khu phố A, thị trấn L, huyện H (cũ), nay là Khu phố E, phường P, thị xã L cho ông X và chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật*”. Xét thấy yêu cầu này là hệ quả kéo theo trong trường hợp yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính được chấp nhận theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, không phải là yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Đỗ Văn X xác định yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Chủ tịch UBND phường P thu hồi Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 30/8/2019, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông X. Đồng thời, buộc UBND phường P phải xác nhận lại nguồn gốc của thửa đất số 96, tờ bản đồ số 16, có diện tích khoảng 50m², tại Khu phố A, thị trấn L, huyện H (cũ), nay là Khu phố E, phường P, thị xã L cho ông X và chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 193 Luật tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử chỉ có thẩm quyền hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật mà không có thẩm quyền buộc cơ quan hành chính thu hồi lại quyết định hành chính bị khiếu kiện. Trong trường hợp này, khi tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, đáng lẽ Tòa án nhân dân thị xã La Gi (Tòa án cấp sơ thẩm) phải yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 122 Luật Tố tụng hành chính, nhưng Tòa án nhân dân thị xã La Gi lại thụ lý, giải quyết là không chính xác về thẩm quyền của Tòa án.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, qua phần tranh tụng thể hiện ý chí của người khởi kiện là yêu cầu Tòa án xem xét làm mất hiệu lực của Quyết định

số 360/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND phường P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, đồng thời hủy bỏ nội dung xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường P ngày 05/3/2019 tại mục II của đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 01/3/2019 của ông Đỗ Văn x, để người khởi kiện được thực hiện thủ tục đăng ký lại hồ sơ để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Túc người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 360/QĐ-UBND nhưng do không hiểu biết pháp luật nên ghi không đúng yêu cầu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm không phát hiện được. Việc này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là có căn cứ nhưng không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án mà chỉ cần điều chỉnh là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Xét tính hợp pháp của Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường P, thấy rằng: Chủ tịch UBND phường P ký ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 5, 7, 31 Luật Giải quyết khiếu nại. Việc Ủy ban phường xác nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân là đúng theo quy định tại Điều 60 và điểm a, khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Thừa đất ông X đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 51,2 m², trên đất có căn nhà cấp 4C. Có tứ cận: Đông giáp nhà bà Hồ Thị T; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất bà Hồ Thị T. Trước đây thửa đất tọa lạc tại khu phố A, thị trấn L, huyện H, nay là khu phố E, phường P, thị xã L. Ông X cho rằng thửa đất này do bà T khai hoang từ trước năm 1975 là không phù hợp thực tế. Bởi lẽ vào năm 1975, bà T lúc này mới chỉ 4 tuổi; Mặt khác, qua xem xét tài liệu chứng cứ thể hiện: Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) vào ngày 22/11/1998 thì vợ chồng bà Hồ Thị T, ông Nguyễn Văn N có một diện tích đất 80,4 m² thuộc thửa 27, tờ số 26, đất có tứ cận: 1. Giáp thủy lợi; 2. Giáp Đường giao thông; 3. Giáp Đường giao thông phụ; 4. Giáp Ông Đình Văn H, trong biên bản này ông Nguyễn Văn N (chồng bà Hồ Thị T) là chủ hộ có ký xác nhận. Hơn nữa 02 thửa đất có vị trí tiếp giáp liền kề nhau nếu thửa đất ông X đang sử dụng thực sự có nguồn gốc do bà T khai hoang trước năm 1975 thì lý ra vợ chồng bà T ông N đã kê khai cùng diện tích đất 80,4 m² nêu trên và đã thể hiện rõ trong sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1998-2000, chứ không chỉ kê khai phần diện tích đất 80,4 m².

- Theo Bản đồ 299 (năm 1998-2000) do Bộ Q đo vẽ, sổ mục kê năm

1998-2000 thì thửa đất ông X đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận thuộc đất giao thông. Do Quy hoạch sử dụng đất hiện nay chưa được phê duyệt nên Quy hoạch cũ vẫn đang có hiệu lực. Tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư vào ngày 04/3/2019 của UBND phường P đã thống nhất xác định: nguồn gốc sử dụng thửa đất của ông X do bà Hồ Thị T lấn chiếm đất đường đi năm 2000, trồng cây hàng năm đến năm 2004 sang nhượng lại cho ông Đỗ Văn X cất nhà ở ổn định đến nay. Như vậy thực tế cho thấy thửa đất ông X đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận thuộc quy hoạch đất giao thông là không phù hợp quy hoạch. Việc xác nhận trên của Ủy ban nhân dân phường P là phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật đất đai.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo khách quan, đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn X.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên cần điều chỉnh nội dung tuyên án cho phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn X, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Căn cứ: Điều 30, Điều 31, Điều 78, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn X về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND phường P về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Văn X (lần đầu).

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022656, ngày 17/02/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Ông X đã nộp đủ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Văn X phải chịu tổng số tiền 5.735.000 đồng đã chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, hợp đồng đo đạc bản vẽ. Ông X đã nộp đủ.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012809 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Ông X đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2024)/.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã La Gi;
- TAND thị xã La Gi;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- UBND P. Phước Lộc;
- Lưu: HS vụ án; Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu